

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**



**1. VỀ BẢN THÂN**

- o Họ và tên khai sinh: Hiroyuki Nagata
- o Họ và tên thường gọi: Hiroyuki Nagata
- o Bí danh: Không có
- o Ngày tháng năm sinh: 13 tháng 11 năm 1963
- o Nơi sinh: Quận Wakayama, Nhật Bản
- o Quốc tịch (các quốc tịch hiện có): Nhật Bản
- o Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú; địa chỉ theo chứng minh nhân dân: Izumi 3-33-13-401 Izumi Suginami-ku, Tokyo, Nhật Bản
- o Nơi ở hiện nay: 3-33-13-401 Izumi Suginami-ku, Tokyo, Nhật Bản
- o Số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu hoặc số giấy tờ chứng thực cá nhân khác: TH4721191
- o Ngày cấp: 25 tháng 10 năm 2007
- o Nơi cấp: Nhật Bản
- o Cấp bởi: Bộ Ngoại Giao

**2. TRÌNH ĐỘ**

| <u>STT</u> | <u>Thời gian học</u>                     | <u>Tên trường, tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính</u> | <u>Tên khoá học</u> | <u>Tên bằng</u> |
|------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------|
| (1)        | Từ tháng 4 năm 1970 đến tháng 3 năm 1976 | Trường Tiểu Học Johuku (Minamino-cho 1 Saginomori, Wakayama, Wakayama) | Không có            | Không có        |
| (2)        | Từ tháng 4 năm 1976 đến tháng 3 năm 1979 | Trường Trung Học Cơ Sở Fukko (7Ban-cho 25, Wakayama, Wakayama)         | Không có            | Không có        |

| <u>STT</u> | <u>Thời gian học</u>                     | <u>Tên trường, tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính</u> | <u>Tên khoá học</u> | <u>Tên bằng</u>   |
|------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------|
| (3)        | Từ tháng 4 năm 1979 đến tháng 3 năm 1982 | Trường Trung Học Tohin (5 cho-me 6-18 Fukiage, Wakayama, Wakayama)     | Không có            | Không có          |
| (4)        | Từ tháng 4 năm 1983 đến tháng 3 năm 1987 | Đại Học Hitotsubashi (2-1 Kunitachi, Tokyo)                            | Khoa Kinh Tế        | Bằng Cử Nhân (BA) |

### 3. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

#### 3.1 Quá trình công tác

| <u>STT</u> | <u>Thời gian công tác</u>              | <u>Tên Đơn Vị Công Tác và Nơi Công Tác</u>              | <u>Nghề Nghiệp và Chức Vụ</u>             | <u>Các trách nhiệm chính</u>                                   |
|------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| (1)        | Tháng 4 năm 1987 đến tháng 7 năm 1990  | The Mitsubishi Bank, Ltd. Chi nhánh Shinjuku-Nishiguchi | Cán bộ                                    | Quản lý quan hệ khách hàng đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ |
| (2)        | Tháng 7 năm 1990 đến tháng 8 năm 1992  | The Mitsubishi Bank, Ltd. Tokyo, Nhật Bản               | Cán bộ Phòng Nghiên Cứu Công Nghiệp       | Nghiên cứu công nghiệp về ngành điện tử                        |
| (3)        | Tháng 8 năm 1992 đến tháng 10 năm 1994 | The Mitsubishi Bank, Ltd. Osaka, Nhật Bản               | Cán bộ Phòng Ngân Hàng Doanh Nghiệp Osaka | Quản lý quan hệ khách hàng đối với các công ty hóa chất        |
| (4)        | Tháng 10 năm 1994 đến tháng 4 năm 1996 | The Mitsubishi Bank, Ltd. Tokyo, Nhật Bản               | Trưởng Phòng Phòng Tài Chính Doanh Nghiệp | Kiểm tra tín dụng                                              |
| (5)        | Tháng 4 năm 1996 đến tháng 10 năm 1999 | The Bank of Tokyo-Mitsubishi, Ltd. Tokyo, Nhật Bản      | Trưởng Phòng Phòng Tài Chính Doanh Nghiệp | Kiểm tra tín dụng                                              |

| <u>STT</u> | <u>Thời gian công tác</u>               | <u>Tên Đơn Vị Công Tác và Nơi Công Tác</u>                  | <u>Nghề Nghiệp và Chức Vụ</u>                                                                    | <u>Các trách nhiệm chính</u>                                        |
|------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| (6)        | Tháng 10 năm 1999 đến tháng 11 năm 2001 | The Bank of Tokyo-Mitsubishi, Ltd.<br>Tokyo, Nhật Bản       | Trưởng Phòng<br>Phòng Ngân Hàng<br>Doanh Nghiệp Số 2,<br>Ngân Hàng Doanh<br>Nghiệp Tập Đoàn Số 1 | Quản lý quan hệ khách hàng đối với công ty sản xuất xe hơi          |
| (7)        | Tháng 11 năm 2001 đến tháng 1 năm 2006  | The Bank of Tokyo-Mitsubishi, Ltd.<br>Chi Nhánh Bangkok     | Phó Trưởng Phòng<br>Phòng Ngân Hàng<br>Doanh Nghiệp Nhật Bản                                     | Quản lý quan hệ khách hàng đối với khách hàng doanh nghiệp Nhật Bản |
| (8)        | Tháng 1 năm 2006 đến tháng 7 năm 2006   | The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd.<br>Chi Nhánh Bangkok | Phó Trưởng Phòng<br>Phòng Ngân Hàng<br>Doanh Nghiệp Nhật Bản                                     | Quản lý quan hệ khách hàng đối với khách hàng doanh nghiệp Nhật Bản |
| (9)        | Tháng 7 năm 2006 đến tháng 4 năm 2008   | The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd.<br>Tokyo, Nhật Bản   | Trưởng Phòng<br>Phòng Ngân Hàng<br>Doanh Nghiệp Số 4<br>Ngân Hàng Doanh<br>Nghiệp Tập Đoàn Số 1  | Quản lý quan hệ khách hàng đối với các công ty hóa chất             |
| (10)       | Tháng 4 năm 2008 đến tháng 5 năm 2008   | The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd.<br>Tokyo, Nhật Bản   | Trưởng Phòng Cao Cấp<br>Ngân Hàng Doanh<br>Nghiệp<br>Phòng Tín Dụng                              | Kiểm tra tín dụng                                                   |
| (11)       | Tháng 5 năm 2008 đến tháng 5 năm 2011   | The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd.<br>Tokyo, Nhật Bản   | Trưởng Phòng<br>Ngân Hàng Doanh<br>Nghiệp<br>Phòng Tín Dụng                                      | Kiểm tra tín dụng                                                   |
| (12)       | Tháng 5 năm 2011 đến nay                | The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd.<br>Tokyo, Nhật Bản   | Trưởng Phòng<br>Phòng Ngân Hàng<br>Doanh Nghiệp Số 3,<br>Ngân Hàng Doanh<br>Nghiệp Tập Đoàn Số 1 | Quản lý kinh doanh của công ty sản xuất xe hơi                      |







- 3.2 Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd.:  
Trưởng Phòng, Phòng Ngân Hàng Doanh Nghiệp Số 3, Ngân Hàng Doanh Nghiệp  
Tập Đoàn Số 1
- 3.3 Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- 3.4 Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại VietinBank: Không có
- 3.5 Khen thưởng (nếu có): Không có
- 3.6 Kỷ luật (nếu có): Không có

#### 4. QUAN HỆ GIA ĐÌNH

Xin xem Phụ Lục 1 đính kèm.

#### 5. CAM KẾT TRƯỚC PHÁP LUẬT

Tôi, Hiroyuki Nagata, cam kết sẽ không vi phạm các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ tổ chức và hoạt động của VietinBank.

Tôi, Hiroyuki Nagata, cam kết những lời khai trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

Tôi, Hiroyuki Nagata, cam kết sẽ thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nội dung bản khai trên phát sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước đang xem xét đề nghị của VietinBank.

Được lập vào ngày 24 tháng 6 năm  
2013 tại Tokyo, Nhật Bản

Tôi, Tomohiro Sakai, Trưởng Phòng  
Nhân Sự của The Bank of Tokyo-  
Mitsubishi UFJ, Ltd., xác nhận rằng Ông  
Hiroyuki Nagata là cán bộ của The Bank  
of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd. vào ngày  
lập sơ yếu lý lịch này.

Ký bởi:

Họ tên: Hiroyuki Nagata

Ký bởi:

Họ tên: Tomohiro Sakai

PHỤ LỤC 1

QUAN HỆ GIA ĐÌNH

| STT | Người có quan hệ gia đình với ông | Họ và tên           | Năm sinh                 | Quê quán/ Nơi Sinh      | Nơi ở hiện nay                                              | Đơn vị công tác                          | Nghề nghiệp/Chức vụ           | Lưu ý                        |
|-----|-----------------------------------|---------------------|--------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
|     |                                   |                     |                          |                         |                                                             |                                          |                               |                              |
|     | Hiroiyuki Nagata                  |                     |                          |                         |                                                             |                                          |                               |                              |
| (1) | Cha                               | Ông Kiyokazu Nagata | Ngày 25 tháng 3 năm 1936 | Quận Wakayama, Nhật Bản | Không có                                                    | Không có                                 | Không có                      | Đã mất                       |
| (2) | Mẹ                                | Bà Michiko Nagata   | Ngày 5 tháng 12 năm 1934 | Quận Wakayama, Nhật Bản | 1016-16 Nishihihama, thành phố Wakayama, Wakayama, Nhật Bản | Không có                                 | Không có                      | Bà Michiko Nagata là nội trợ |
| (3) | Vợ                                | Bà Takako Nagata    | Ngày 5 tháng 10 năm 1964 | Hollaido, Nhật Bản      | 401, 3-33-13 Izumi Suginami-ku Tokyo, Nhật Bản              | Dow Chemical Japan, Ltd. Tokyo, Nhật Bản | Cố vấn cấp cao Phòng Pháp Chế |                              |

| STT | Người có quan hệ gia đình với ông Hiroyuki Nagata | Họ và tên                               | Năm sinh                                                                                           | Quê quán/ Nơi Sinh                                                                                                               | Nơi ở hiện nay                                                                                      | Đơn vị công tác                                                                                                       | Nghề nghiệp/Chức vụ                                                                                                    | Lưu ý                        |
|-----|---------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| (4) | Con trai                                          | Ông Yuto Nagata                         | Ngày 22 tháng 3 năm 2005                                                                           | Tokyo, Nhật Bản                                                                                                                  | 401, 3-33-14 Izumi Suginami-ku Tokyo, Nhật Bản                                                      | Trường Tiểu Học Eifuku                                                                                                | Học sinh                                                                                                               | Độc thân                     |
| (5) | Con gái và chồng của con gái (nếu có)             | Không có                                | Không có                                                                                           | Không có                                                                                                                         | Không có                                                                                            | Không có                                                                                                              | Không có                                                                                                               |                              |
| (6) | Anh, em trai và vợ của anh, em trai               | Ông Masanori Nagata và Bà Miyako Nagata | Ông Masanori Nagata sinh ngày 28 tháng 3 năm 1961 và bà Miyako Nagata sinh ngày 7 tháng 7 năm 1968 | Ông Masanori Nagata có quê quán tại Quận Wakayama, Nhật Bản và bà Miyako Nagata có quê quán tại thành phố Katano Osaka, Nhật Bản | Cả hai ông bà đều đang cư trú tại 2-8-5 thành phố Higashi Yamatedai Takarazuka, Quận Hyogo Nhật Bản | Ông Masanori Nagata đang công tác tại Công Ty Panasonic Osaka và bà Miyako Nagata hiện không công tác tại đơn vị nào. | Ông Masanori Nagata là Trưởng Phòng về Tuân Thủ Tập Đoàn. và bà Miyako Nagata hiện không đảm nhận vị trí công tác nào. | Bà Miyako Nagata là nội trợ. |

| STT | Người có quan hệ gia đình với ông Hiroyuki Nagata | Họ và tên | Năm sinh | Quê quán/ Nơi Sinh | Nơi ở hiện nay | Đơn vị công tác | Nghề nghiệp/Chức vụ | Lưu ý |
|-----|---------------------------------------------------|-----------|----------|--------------------|----------------|-----------------|---------------------|-------|
| (7) | Chị, em gái và chồng của chị, em gái (nếu có)     | Không có  | Không có | Không có           | Không có       | Không có        | Không có            |       |

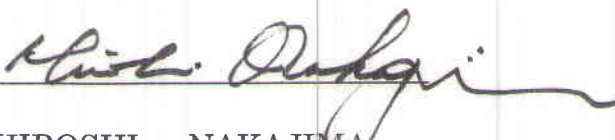
Registration NO. 1925 , 2013.

## NOTARIAL CERTIFICATE

This is to certify that the signature at the foot of foregoing document is genuine and authentic signature of Mr. Hiroyuki NAGATA, General Manager of Corporate Banking Division No.3 in Corporate Banking Group No.1 of The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd., a corporation existing and organized under the laws of Japan, who has produced sufficient proof of his power to execute the said instrument on behalf of the above-mentioned corporation.

Dated this 26<sup>th</sup> day of June, 2013,



  
HIROSHI NAKAJIMA

NOTARY



Registration NO. 1925, 2013.

## NOTARIAL CERTIFICATE

This is to certify that the signature at the foot of foregoing document is genuine and authentic signature of Mr. Tomohiro SAKAI, Chief Manager of Human Resources Division of The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd., a corporation existing and organized under the laws of Japan, who has produced sufficient proof of his power to execute the said instrument on behalf of the above-mentioned corporation.

Dated this 26<sup>th</sup> day of June, 2013,



  
HIROSHI NAKAJIMA  
NOTARY

平成25年登簿第  
証

1925号  
証

嘱託人株式会社三菱東京UFJ銀行営業第一本部営業第三部部長永田裕之及び同社  
人事部次長酒井智浩の代理人上田秋穂は、本公証人に対し、各嘱託人が別添文書に  
署名したことを自認している旨陳述した。

よって、これを認証する。

平成25年 6 月 26 日、本公証人役場において  
東京都千代田区内幸町2丁目2番2号  
東京法務局所属

公 証 人  
Notary

中島 浩

HIROSHI NAKAJIMA

総公証 NO 102273 号

証 明

上記署名は、東京法務局所属公証人の署名に相違ないものであり、かつ、その押印は、  
真実のものであることを証明する。

平成25年 6 月 26 日

東京法務局長

石田 一宏

CERTIFICATE

This is to certify that the signature affixed above has been provided by Notary,  
duly authorized by the Tokyo Legal Affairs Bureau and that the Official Seal  
appearing on the same is genuine.

Date JUN. 26, 2013

Kazuhiro ISHIDA

Director of the Tokyo Legal Affairs Bureau

For legalization by the foreign consul in  
Japan, this is to certify that the Seal  
affixed hereto is genuine.

Date JUN. 26, 2013

A. Ogawa

Ayako OGAWA

Tokyo,

Official  
Ministry of Foreign Affairs  
(Consular Service Division)

